TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U M T** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST.
Ngày: 10.01.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Châu Văn Ấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Dân
2. Ông Lê Hoàng Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh H (tên gọi khác C H), sinh năm 1971; tại huyện P T, tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký NKTT: ấp T V, xã P Th, huyện P T, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú ấp T V, xã P Th, huyện P T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 3/12; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị B1, sinh năm 1937; vợ Phan Thị Th, sinh năm 1974 (đã ly hôn), vợ thứ hai Phan Kim O, sinh năm 1976 (đã ly hôn); con 03 người lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền sự không; tiền án không, có nhân thân xấu ngày 25/02/2003 bị Tòa án nhân dân huyện C N, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm

tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 26/5/2004; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2017 cho đến nay (có mặt).

* *Người bị hại:*

Bà Trương Thị N, sinh năm 1953 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C Đ 3, xã V P, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B P, xã V B N, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang.

2/ Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L A, huyện T V T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn H, Trương Việt Ph, Trương Văn B đã quen biết nhau từ trước. Do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Văn T điện thoại rủ Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Minh H, Trương Việt Ph, Trương Văn B để bàn bạc rủ nhau dùng vỏ máy Composite dài 5,9m, máy xăng Honda 13.0HP chạy theo các tuyến sông thuộc các huyện: V Th, U M T, A B tìm nhà sơ hở để lén lút đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. Từ ngày 11/12/2014 đến ngày 25/12/2015 Nguyễn Văn T đã cùng đồng bọn thực hiện trót lọt tổng cộng **11** vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện V Th, huyện U M T và huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Trong đó, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Minh H thực hiện **01** vụ trộm cắp tài sản tại nhà bà Trương Thị N thuộc ấp C Đ 3, xã V P, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Vào ngày 05/10/2015, Nguyễn Văn T từ nhà thuộc ấp B P, xã V B N, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang đi đến thành phố C M, tỉnh Cà Mau. Khi đến thành phố C M, T điện thoại rủ Nguyễn Văn Ng đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Ng đồng ý và hẹn gặp T tại thành phố C M. Sau đó Ng điện thoại rủ thêm Nguyễn Minh H, H đồng ý. Vào khoảng 15 giờ cùng ngày, Ng chạy vỏ Composite dài 5,9m, máy xăng Honda 13.0HP của Ng, đi từ Sông Đốc đến huyện P T, tỉnh Cà Mau rước H, sau đó đến thành phố C M rước T. Đến khoảng 0 giờ ngày 06/10/2015, T chạy

vỏ máy đi đến nhà bà Trương Thị N thuộc ấp C Đ 3, xã V P, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang, T tắt máy cập vỏ vào bờ. Lúc này, T ở dưới vỏ có nhiệm vụ chạy máy, H có nhiệm vụ giữ mũi vỏ và cảnh giới, Ng đi lên bờ đột nhập vào nhà bà N, sau đó dùng cái khăn có sẵn cột cửa trước nhà bà N lại, phòng khi mọi người trong nhà phát hiện không thể mở cửa truy bắt. Sau đó, Ng đột nhập vào nhà qua đường cửa sau thì phát hiện bà N đang ngủ trong mùng, Ng quan sát trên cổ bà N có đeo sợi dây chuyền vàng 24K (trọng lượng 11 chỉ), kiểu chữ "cong". Lợi dụng lúc bà N ngủ say, Ng dùng lưỡi lam rạch mùng rồi đưa tay vào giật lấy sợi dây chuyền làm bà N thức giấc, bà N dùng tay chụp lại, làm cho sợi dây chuyền bị đứt thành hai đoạn. Ng lấy được một đoạn (trọng lượng 5,7 chỉ) rồi bỏ chạy xuống vỏ, H bơi vỏ ra giữa sông, T giật máy chạy thẳng về thành phố C M. Sau đó, Ng lấy đoạn dây chuyền trộm được đến tiệm vàng Th N thuộc phường 7, thành phố C M, tỉnh Cà Mau để bán với số tiền là 14.500.000 đồng. Trừ chi phí đi lại và ăn uống Ng, H và T chia nhau tiêu xài cá nhân.

Sau đó Nguyễn Minh H bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 25/8/2017 thì bị bắt theo Quyết định truy nã. Quyết định nhập vụ án hình sự số 02 ngày 08/8/2016 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Tang vật thu giữ:

Các vật chứng của vụ án đã được xử lý theo Bản án sơ thẩm số 47/2016/HSST ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện U M T.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 27/04/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V Th kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 11 (mười một) chỉ có giá trị tại thời điểm xâm hại là: 36.080.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 38/CTr-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Bị cáo Nguyễn Minh H về tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Minh H từ 12 đến 15 tháng tù.

Bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại Trương Thị N yêu cầu các bị cáo trả lại trị giá 5,7 chỉ vàng 24k. Yêu cầu xử bị cáo H theo quy định pháp luật.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng theo Bản án số 47/2016/HSST ngày 29/12/2016 đã tuyên buộc T và Ng bồi thường cho bà N số tiền 18.696.000đ, T và Ng đồng ý bồi thường cho bà N hết, không yêu cầu bị cáo H trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi bị truy tố của bị cáo*: Vào ngày 05/10/2015, do có quen biết nhau từ trước và không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Minh H rủ nhau dùng vỏ máy, vỏ Composite dài 5,9 m, máy xăng Honda 13.0HP tổ chức đi tìm nhà sơ hở để lén lút đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 0 giờ ngày 06/10/2015, T chạy vỏ máy đi đến nhà bà Trương Thị N thuộc ấp C Đ 3, xã V P, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, Ng đột nhập vào nhà dùng lưỡi lam rạch mùng rồi đưa tay vào giật lấy sợi dây chuyền vàng 24K (trọng lượng 11 chỉ) kiểu chữ "cong" nhưng bị bà N phát hiện và giật lại làm dây chuyền đứt làm đôi, Ng, T và bị cáo lấy được một đoạn 5,7 chỉ vàng 24k bán được 14.500.000đ. Trừ chi phí đi lại và ăn uống Ng, H và T chia nhau tiêu xài cá nhân. Sau đó Nguyễn Minh H bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 25/8/2017 thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tài sản sợi dây chuyền 11 chỉ vàng 24k tại thời bị xâm hại có giá là 36.080.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng) trong đó các bị cáo trộm được 5,7 chỉ vàng 24k trị giá 18.696.000đ.

Lời nhận tội của Bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Số tài sản bị cáo cùng với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng trộm cắp của bà N là 5,7 chỉ vàng

24k, tại thời điểm bị xâm hại trị giá 18.696.000đ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật và rất nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cùng với T và Ng lợi dụng lúc đêm khuya người dân ngủ say, không cảnh giác, Ng dùng lưỡi lam chuẩn bị sẵn rạch mùng và giựt dây chuyền người bị hại N, bị cáo H và T có nhiệm vụ giữ vỏ, canh gác cho Ng thực hiện phạm tội, các bị cáo dùng phương tiện vỏ Composite có tốc độ cao (máy xăng Honda 13.0HP) để trộm và tẩu thoát hành vi của bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Do đó cần phải xử Bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội do Bị cáo gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục Bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*: Sau khi phạm tội Bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan Điều tra. Mặt khác bản thân bị cáo có nhân thân xấu về hành vi trộm cắp tài sản.Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử Bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo H tự nguyện bồi thường 4.000.000đ nộp thay trách nhiệm cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 12 đến 15 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và có cơ sở.

Bị cáo H xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại Bản án số 47/2016/HSST ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng bồi thường cho bà Trương Thị N số tiền trị giá 18.696.000đ. Theo đơn xin xét xử vắng mặt của Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng đồng ý bồi thường cho bà Trương Thị N và không yêu cầu bị cáo H trả lại.

Ngày 10/11/2017 gia đình bị cáo H đã tạm nộp số tiền 4.000.000đ tại chi cục thi hành án dân sự huyện U M T theo biên lai thu số 06264 ngày 10/11/2017. Tại phiên tòa bị cáo H tự nguyện trả thay cho hai bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng để khắc phục thiệt hại cho người bị hại Trương Thị N số tiền 4.000.000đ đã nộp xong.

[6] Về biện pháp tư pháp: Các vật chứng của vụ án tại Bản án số 47/2016/HS-ST ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện U M T HĐXX đã tuyên và xử lý xong. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh H 12 (mười hai) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại Bản án số 47/2016/HSST ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tuyên buộc Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng bồi thường cho bà Trương Thị N số tiền trị giá 18.696.000đ. Theo đơn xin xét xử vắng mặt của Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng đồng ý bồi thường cho bà Trương Thị N và không yêu cầu bị cáo H trả lại.

Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo H tự nguyện trả thay cho hai bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Ng để khắc phục thiệt hại cho người bị hại Trương Thị N số tiền 4.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số 06264 ngày 10/11/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Về biện pháp tư pháp:

Các vật chứng của vụ án tại Bản án số 47/2016/HS-ST ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện U M T HĐXX đã tuyên và xử lý xong. HĐXX không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Minh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự*".

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nH:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U M T;*
- *Công an huyện U M T;*
- *Sở tư pháp;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người liên quan;*
- *Chi cục thi hành án dân sự H.U M T;*
- *Lưu.*

Châu Văn Ấn